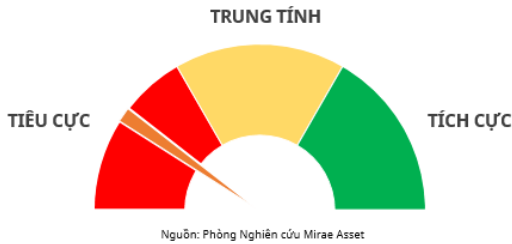


Thang đo sức mạnh thị trường



24 Tháng Ba 2021

Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,161.81	-1.83	-0.02	76.24
HNX	268.69	-1.34	12.95	177.15
UPCOM	80.50	-0.80	5.61	65.94
MSCI EM	1,323.77	-0.94	-3.85	65.13
NIKKEI	28,405.52	-2.04	-4.27	57.00
HANG SENG	27,870.55	-2.20	-6.22	22.98
KOSPI	2,996.35	-0.28	0.05	86.11
FTSE	6,699.19	-0.40	0.60	23.01
S&P 500	3,910.52	-0.76	-0.38	59.79
NASDAQ	13,227.70	-1.12	-2.72	78.32

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	17.91	2.43	13.69
SET INDEX	39.42	1.71	4.34
JCI INDEX	32.75	1.59	4.12
PCOMP INDEX	29.16	1.60	6.15

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-100
5 năm	1.09	-1	4	-108
10 năm	2.37	-5	11	-73

Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,080	-0.05	0.12	2.24
US\$/KRW	1,134	-0.34	-1.89	10.25
US\$/JPY	109	0.00	-2.50	2.43
US\$/EUR	0.85	0.27	2.98	-8.72
US\$/GBP	0.73	0.47	3.31	-14.06
US\$/SGD	1.35	-0.20	-2.03	7.37

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1	TB 1 năm
VN-INDEX	604	597	326
HNX	112	97	40
UPCOM	45	48	20

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



Nhận định thị trường

Ảnh hưởng tâm lý bởi diễn biến thị trường thế giới, VN-Index có phiên giảm mạnh nhất từ sau Tết

Lo ngại "làn sóng Covid thứ 3" thị trường chứng khoán Mỹ và Châu Á ghi nhận giảm từ 1 – 2%, thị trường Việt Nam cũng chịu cùng diễn biến tiêu cực trên. VN-Index mở cửa đã mất hơn 14 điểm (1.169,42), nỗ lực hồi phục cũng giúp VN-Index vượt lên mức 1.174 vào giữa phiên sáng nhưng diễn biến này không duy trì lâu, chỉ số sau đó tiếp tục chịu áp lực bán mạnh và hướng đến ngưỡng 1.154 (-29 điểm). Chốt phiên 1.161,81, VN-Index ghi nhận mức giảm 21,64 điểm, cao nhất từ sau tết âm lịch đến nay.

VN30 chỉ có duy nhất 1 mã xanh là VIC và đây cũng là cổ phiếu đóng góp lớn nhất cho VN-Index hôm nay. Trong top 10 cổ phiếu đóng góp đến VN-Index xuất hiện nhiều cổ phiếu thuộc nhóm vừa và nhỏ như FLC, TCM, CVT, HAP, HPX. Chiều ngược lại nhóm bluechip dẫn đầu trong việc kéo VN-Index, trong đó top 10 đã ảnh hưởng làm chỉ số giảm 11,34 điểm.

Khối ngoại tiếp tục duy trì trạng thái bán ròng với giá trị hơn 350 tỷ đồng trong phiên hôm nay. KBC bị khối này bán mạnh nhất với giá trị 150 tỷ đồng, tiếp đến là các cổ phiếu: POW (-81 tỷ đồng), HPG (-55 tỷ đồng), CTG (-53 tỷ đồng). GAS bất ngờ được mua ròng mạnh với giá trị 170 tỷ đồng, bỏ xa mã thứ 2 là CII với giá trị 23 tỷ đồng.

Sau phiên giảm mạnh, VN-Index có thể sẽ sớm tìm thấy điểm cân bằng ngắn hạn, vùng hỗ trợ cần lưu ý hiện nay là vùng 1.140 – 1.150. Rủi ro ngắn hạn của chỉ số được chúng tôi đánh giá ở mức cao sau phiên giảm mạnh. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn đang ở mức **-5 (TIÊU CỰC)**.

Phạm Bình Phương, Analyst, 84-8-39102222, lam.td@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-5	TIÊU CỰC
VN30	-5	TIÊU CỰC
VN30F1M	-5	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-3	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-5	TIÊU CỰC
Kospi	-4	TIÊU CỰC
Nikkei 225	-5	TIÊU CỰC
FTSE 100 (EU)	-3	TRUNG TÍNH
Dow Jones	2	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

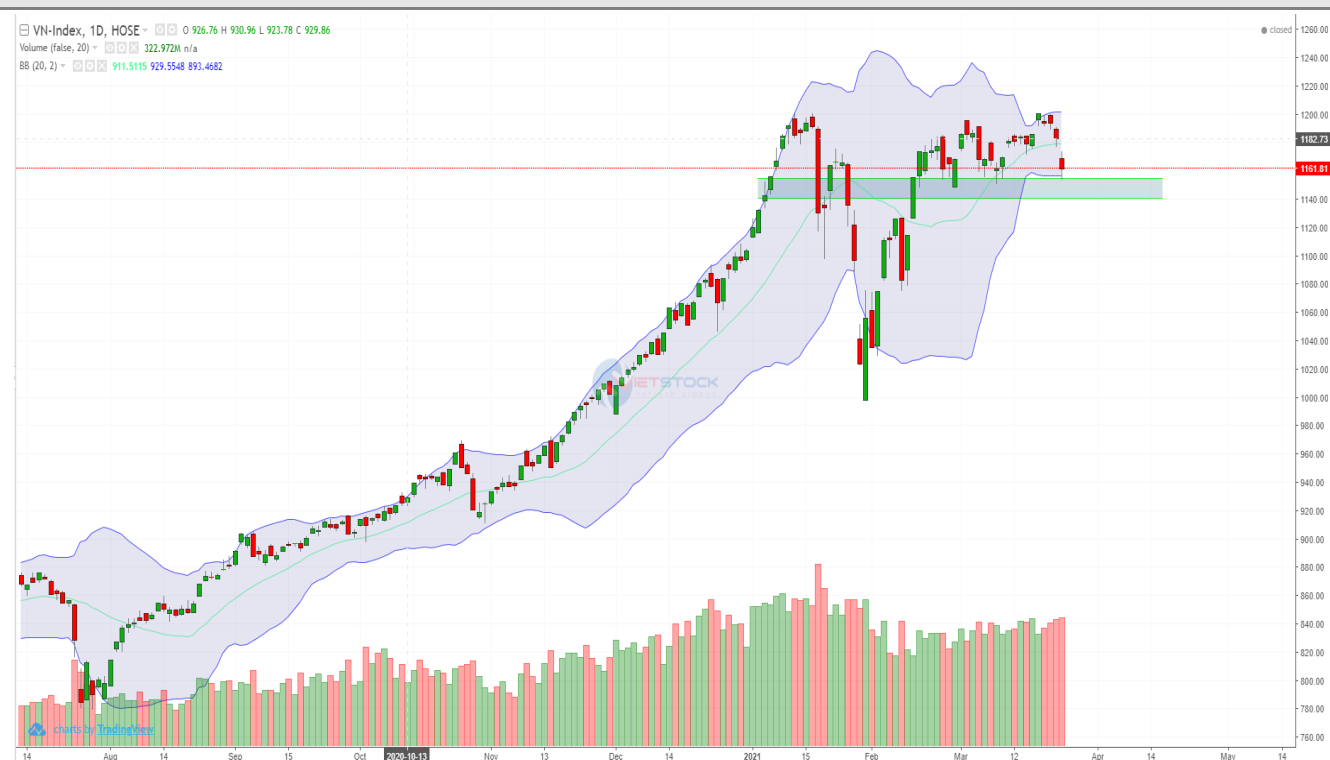
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-5	TIÊU CỰC
VN30	-5	TIÊU CỰC
VN30F1M	-5	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-3	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (23/03/2021)	Kháng cự 1	1.200
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Kháng cự 2	1.300
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.140 – 1.150
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	1.100

Xu hướng giảm điểm đang chiếm ưu thế, vùng hỗ trợ ngắn hạn của VN-Index là vùng 1.140 – 1.150. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn đang ở mức **-5 (TIÊU CỰC)**.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Vietstock

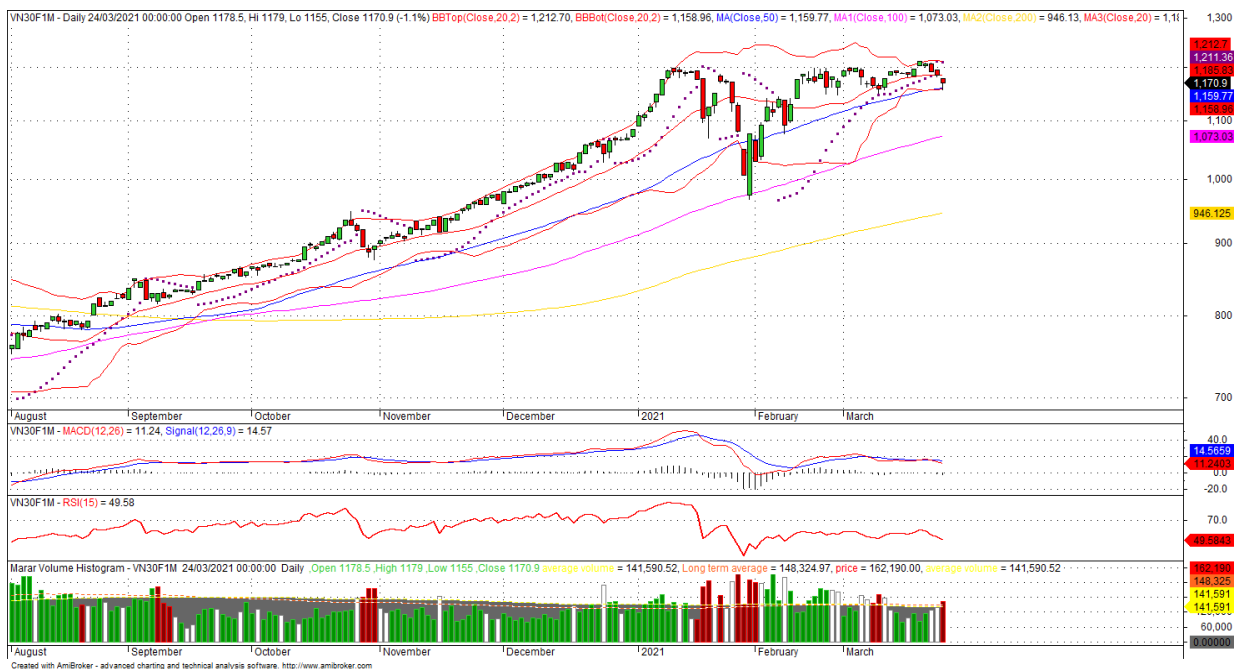
CẬP NHẬT PHẢI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (23/03/2021)	1.170,9	Kháng cự 1	1.200
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TIÊU CỰC	Kháng cự 2	1.300
VN30 – đóng cửa	1.165	Hỗ trợ 1	1.100
Chênh lệch VN30F1M & VN30	+5,29	Hỗ trợ 2	1.000

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-7	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart 60 phút)	-7	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart ngày)	-5	TIÊU CỰC

Áp lực bán có phần giảm dần về cuối phiên giúp cho VN30F1M thu hẹp đà giảm ghi nhận mức giảm 13,6 điểm trong phiên

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	15.7	3,636,410	-4	TIÊU CỰC	3,482	11.3	1.0
ACB	32.45	10,065,225	-5	TIÊU CỰC	70,143	9.1	2.0
ART	7	5,273,765	2	TRUNG TÍNH	678	#N/A N/A	0.6
ASM	15.2	3,571,915	-7	TIÊU CỰC	3,935	7.9	0.9
BCG	15.25	2,415,490	0	TRUNG TÍNH	3,103	10.3	1.4
BID	42.15	2,583,285	-2	TRUNG TÍNH	169,528	24.2	2.2
BSR	16.4	16,918,100	-2	TRUNG TÍNH	50,848	18.3	1.5
BVH	59.5	815,655	1	TRUNG TÍNH	44,168	28.5	2.2
CEO	12.7	5,585,980	5	KHẢ QUAN	3,268	#N/A N/A	1.1
CII	23.4	2,785,565	0	TRUNG TÍNH	5,589	22.7	1.2
CTD	73.3	904,900	-5	TIÊU CỰC	5,445	12.7	0.7
CTG	39	11,369,645	0	TRUNG TÍNH	145,213	10.6	1.7
CTR	98.3	532,870	-4	TIÊU CỰC	7,056	38.3	7.8
DBC	58.4	2,574,375	-2	TRUNG TÍNH	6,118	4.3	1.5
DCM	17	4,929,575	-2	TRUNG TÍNH	9,000	16.7	1.4
DGC	67.1	833,765	-5	TIÊU CỰC	9,982	11.7	2.6
DGW	120	362,925	-4	TIÊU CỰC	5,160	20.3	4.5
DIG	30.5	4,753,415	-3	TRUNG TÍNH	9,606	14.6	2.0
DPM	19.4	3,115,315	-2	TRUNG TÍNH	7,592	11.7	0.9
DRC	28	2,022,325	0	TRUNG TÍNH	3,326	13.0	2.0
DXG	24.15	8,184,485	0	TRUNG TÍNH	12,517	#N/A N/A	2.0
FCN	14.05	3,783,245	-5	TIÊU CỰC	1,762	14.9	0.8
FLC	9.79	25,218,850	7	KHẢ QUAN	6,951	43.4	0.7
FPT	77	2,202,535	0	TRUNG TÍNH	60,361	17.0	3.8
FRT	31.5	1,996,995	7	KHẢ QUAN	2,488	100.6	2.0
GAS	90.1	899,555	-7	TIÊU CỰC	172,447	22.3	3.6
GEX	22.3	6,131,760	-5	TIÊU CỰC	10,748	13.4	1.6
GIL	68.3	530,025	-3	TRUNG TÍNH	2,458	5.9	1.9
GMD	33.2	2,344,295	4	KHẢ QUAN	10,006	29.3	1.7
GVR	28.15	3,935,785	-5	TIÊU CỰC	112,600	26.3	2.4
HAG	5.19	7,162,695	0	TRUNG TÍNH	4,813	#N/A N/A	0.8
HAH	23.8	1,839,510	-5	TIÊU CỰC	1,128	8.7	1.1
HAP	18.45	3,155,640	5	KHẢ QUAN	1,023	25.2	1.4
HBC	18.2	7,472,180	-4	TIÊU CỰC	4,202	56.4	1.2
HCM	30	4,292,390	-5	TIÊU CỰC	9,151	17.3	2.1
HDB	25.5	4,628,745	-5	TIÊU CỰC	40,641	9.6	1.8
HDC	43.5	1,164,075	-5	TIÊU CỰC	2,893	12.5	2.6
HDG	43.5	1,971,260	-5	TIÊU CỰC	6,711	6.9	2.1
HNG	11.5	10,132,215	-3	TRUNG TÍNH	12,748	593.3	1.5
HPG	45.45	18,632,780	-5	TIÊU CỰC	150,589	11.2	2.5
HPX	34.75	1,043,355	-4	TIÊU CỰC	9,191	33.5	2.9
HQC	3.03	17,262,116	-2	TRUNG TÍNH	1,444	150.5	0.3
HSG	27.1	8,791,490	-5	TIÊU CỰC	12,040	8.0	1.7
HUT	6.2	6,833,545	-2	TRUNG TÍNH	1,666	#N/A N/A	0.6
HVN	31.5	1,765,280	0	TRUNG TÍNH	44,676	#N/A N/A	7.0
IDC	38	3,408,800	4	KHẢ QUAN	11,400	37.8	3.2
IJC	28.9	8,485,020	-5	TIÊU CỰC	6,274	11.4	1.9
ITA	6.87	10,415,080	2	TRUNG TÍNH	6,446	37.0	0.6
KBC	38.8	4,940,330	0	TRUNG TÍNH	18,227	106.8	1.9
KDC	51.4	1,245,590	-4	TIÊU CỰC	11,758	51.6	2.1
KDH	30.9	1,725,530	-3	TRUNG TÍNH	17,267	15.1	2.1
KSB	34.35	1,907,075	0	TRUNG TÍNH	2,289	8.1	1.5

LCG	14.9	5,582,295	-7	TIÊU CỰC	1,717	5.5	1.0
LDG	7.75	6,477,515	0	TRUNG TÍNH	1,856	155.0	0.6
LPB	16	11,906,355	-2	TRUNG TÍNH	17,194	9.2	1.2
MBB	27.6	16,816,616	-5	TIÊU CỰC	77,246	9.3	1.6
MBS	22.3	1,932,225	-7	TIÊU CỰC	3,664	13.6	1.8
MSN	85.1	1,058,465	-7	TIÊU CỰC	99,966	80.7	6.3
MWG	129.9	734,490	-7	TIÊU CỰC	60,550	15.0	3.8
NKG	21.7	6,656,240	-4	TIÊU CỰC	3,732	12.8	1.2
NLG	34.1	1,467,260	-5	TIÊU CỰC	9,387	10.9	1.6
NVB	14.5	5,987,595	-6	TIÊU CỰC	5,899	4,866.9	1.4
NVL	79.8	2,315,775	-4	TIÊU CỰC	79,084	20.1	3.1
OIL	14.1	3,026,960	-5	TIÊU CỰC	14,583	#N/A N/A	1.5
PDR	62.7	3,543,590	2	TRUNG TÍNH	27,324	23.3	5.4
PET	22.5	2,951,750	-2	TRUNG TÍNH	1,880	14.0	1.2
PHR	59	850,945	-7	TIÊU CỰC	7,994	7.4	2.5
PLX	56.3	3,517,820	-6	TIÊU CỰC	68,619	89.2	3.2
POW	12.75	17,998,430	-5	TIÊU CỰC	29,859	13.6	1.1
PVD	21.85	10,013,755	-7	TIÊU CỰC	9,202	76.8	0.7
PVM	23.5	2,219,950	-5	TIÊU CỰC	908	18.2	1.9
PVS	22.7	13,423,950	-7	TIÊU CỰC	10,850	16.7	0.9
PVT	17.1	4,529,375	-7	TIÊU CỰC	5,534	8.8	1.1
REE	54	850,980	-6	TIÊU CỰC	16,689	10.3	1.5
ROS	4.28	18,810,104	6	KHẢ QUAN	2,429	1,426.7	0.4
S99	26.2	1,852,675	-6	TIÊU CỰC	1,374	8.4	1.8
SBT	22.7	4,323,275	-2	TRUNG TÍNH	14,009	24.0	1.8
SCR	8.72	4,451,145	-5	TIÊU CỰC	3,195	18.0	0.7
SHB	18	33,318,316	0	TRUNG TÍNH	31,509	11.4	1.3
SHS	27.7	7,824,685	-4	TIÊU CỰC	5,741	7.6	1.8
SSI	31.3	11,064,985	-7	TIÊU CỰC	20,216	15.0	1.9
STB	18.4	23,500,500	-5	TIÊU CỰC	33,187	12.4	1.1
SZC	38.5	943,715	-7	TIÊU CỰC	3,850	20.7	3.0
TCB	39.3	11,676,915	0	TRUNG TÍNH	137,743	11.2	1.9
TCH	21.9	4,823,415	-3	TRUNG TÍNH	8,200	8.5	1.6
TNG	22.8	2,826,100	-7	TIÊU CỰC	1,813	10.9	1.5
TPB	26.95	5,003,835	-7	TIÊU CỰC	27,803	7.7	1.7
VCB	94.7	1,237,310	-4	TIÊU CỰC	351,231	19.0	3.6
VCI	61.6	1,323,815	2	TRUNG TÍNH	10,201	13.2	2.3
VGJ	18.5	2,123,090	-7	TIÊU CỰC	9,250	32.9	1.5
VHC	38.9	1,265,635	-7	TIÊU CỰC	7,078	10.0	1.4
VHM	97.2	2,151,075	-5	TIÊU CỰC	319,741	11.5	3.7
VIC	107.9	1,246,825	6	KHẢ QUAN	364,964	68.8	4.7
VIX	31.8	7,348,805	-7	TIÊU CỰC	4,061	12.4	2.3
VJC	128	588,780	-7	TIÊU CỰC	67,051	969.1	4.5
VND	28.9	5,388,035	-4	TIÊU CỰC	6,066	8.6	1.6
VNM	98.7	3,217,565	-7	TIÊU CỰC	206,279	20.7	6.6
VPB	44.1	5,189,535	-4	TIÊU CỰC	108,254	10.3	2.1
VPI	34.7	1,386,460	-4	TIÊU CỰC	6,940	22.6	2.5
VRE	33.4	4,770,255	-7	TIÊU CỰC	75,895	31.9	2.6

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Intel sẽ đầu tư 20 tỷ USD để xây nhà máy chip mới, nỗ lực loại bỏ sự phụ thuộc vào châu Á

Mới đây, Intel cho biết công ty sẽ chi 20 tỷ USD để xây dựng 2 nhà máy bán dẫn mới ở bang Arizona (Mỹ). Đây là trọng tâm của chiến lược đầy tham vọng nhằm thay đổi tình trạng các doanh nghiệp trong nước phải phụ thuộc vào chip sản xuất ở nước ngoài. Ngoài ra, Intel cũng đưa ra một dịch vụ mới để sản xuất chip cho các công ty khác.

Chiến lược kéo dài nhiều năm của giám đốc điều hành mới – Pat Gelsinger, thể hiện cam kết của Intel trong việc tự chế tạo phần lớn chip. Quyết định này cũng chấm dứt bất kỳ cuộc thảo luận nào về việc họ nên rút khỏi lĩnh vực sản xuất chip, sau một thời gian không bắt kịp các đối thủ đến từ châu Á như TSMC và Samsung.

Đồng thời, tập đoàn này cũng cho ra mắt dịch vụ có tên Intel Foundry Services để sản xuất chip cho các công ty khác. Đây là một sự thay đổi lớn đối với công ty có trụ sở tại Santa Clara, California.

USD tăng mạnh trên khắp các thị trường

Chỉ số đồng USD so với rổ các tiền tệ chủ chốt tăng trong phiên vừa qua, kết thúc ở mức cao nhất trong vòng 2 tuần, trong khi lợi suất trái phiếu Mỹ giảm sau khi Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Mỹ, Jerome Powell, khẳng định trước Quốc hội Mỹ rằng lạm phát sẽ không vượt quá tầm kiểm soát.

Kết thúc phiên 23/3, dollar index tăng 0,65% lên 91,8, đảo ngược xu hướng giảm của phiên liền trước - khi dù giảm nhưng vẫn không thấp xa mấy so với mức cao nhất trong vòng 4 tháng do nhà đầu tư đổ xô đến USD như một nơi trú ẩn an toàn.

Hôm nay khai mạc kỳ họp cuối cùng của Quốc hội khóa XIV

Sáng nay (24/3), kỳ họp thứ 11 Quốc hội khóa XIV chính thức khai mạc trọng thể tại Nhà Quốc hội, Hà Nội. Theo dự kiến chương trình, Quốc hội sẽ họp tập trung trong thời gian 12 ngày (dự kiến bế mạc vào ngày 8/4).

Đây là kỳ họp cuối cùng của nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIV, nên bên cạnh công tác xây dựng pháp luật, xem xét, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, Quốc hội còn tập trung thời gian cho tổng kết công tác nhiệm kỳ của các cơ quan Nhà nước, Quốc hội và Chính phủ. Đặc biệt, tại kỳ họp này, Quốc hội cũng dành nhiều thời gian để kiện toàn nhân sự lãnh đạo Nhà nước.

Trung Quốc tụt xuống vị trí thứ 4 trong top các thị trường nhập khẩu cá tra

Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản (VASEP), tính đến nửa đầu tháng 2/2021, tổng giá trị xuất khẩu cá tra sang thị trường Trung Quốc - Hồng Kông đạt 13,55 triệu USD (chiếm 8,5% tổng giá trị xuất khẩu cá tra), giảm 38,6% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó, giá trị xuất khẩu cá tra sang thị trường Hồng Kông cũng giảm 40,5%. Từ vị trí là thị trường xuất khẩu hàng đầu cá tra Việt Nam năm 2020, Trung Quốc - Hồng Kông đã tụt xuống hạng 4 (sau Mỹ, CPTPP và EU).

Sự sụt giảm không mong muốn này là hệ lụy của cả năm 2020, xuất khẩu sang thị trường này gặp nhiều cản trở như chính dịch COVID-19.

Tính đến 15/3, xuất nhập khẩu tăng hơn 24%, thặng dư 1,81 tỷ USD

Số liệu thống kê sơ bộ mới nhất của Tổng cục Hải quan cho thấy tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam trong kỳ 1 tháng 3/2021 (từ ngày 1/3 đến ngày 15/3/2021) đạt 26,36 tỷ USD, tăng 22% so với nửa cuối tháng 2/2021.

Kết quả đạt được trong nửa đầu tháng 3/2021 đã đưa tổng trị giá xuất nhập khẩu của cả nước đến hết ngày 15/3 đạt 122,21 tỷ USD, tăng 24,2% so với cùng kỳ năm 2020.

Trong đó, tổng trị giá xuất nhập khẩu của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đạt 86,91 tỷ USD, tăng hơn 30%; trị giá xuất nhập khẩu của khối doanh nghiệp trong nước là 35,3 tỷ USD, tăng 11,6% so với cùng kỳ năm 2020.

Như vậy, trong nửa đầu tháng 3, cán cân thương mại hàng hóa thặng dư 239 triệu USD. Tính từ đầu năm đến hết ngày 15/3, cán cân thương mại hàng hóa thặng dư 1,81 tỷ USD.

SeABank chính thức niêm yết 1,2 tỷ cổ phiếu trên HoSE, giá tăng kịch trần bất chấp thị trường "rục rữa"

Sáng 24/3/2021 tại Tp.Hồ Chí Minh, hơn 1,2 tỷ cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeABank) chính thức được niêm yết và giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HoSE) với mã chứng khoán SSB, giá tham chiếu 16.800 đồng/cổ phiếu, tương đương giá trị vốn hóa hơn 20.306 tỷ đồng.

Như vậy SeABank là ngân hàng thứ 3 niêm yết trên sàn chứng khoán trong năm 2021.

Phát biểu tại sự kiện, Bà Nguyễn Thị Nga, Phó Chủ tịch thường trực HĐQT SeABank cho biết: Việc cổ phiếu SeABank niêm yết và giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh là sự kiện quan trọng nằm trong lộ trình phát triển ngân hàng, ghi nhận dấu ấn mới trong hoạt động của SeABank, khẳng định nội lực và củng cố vị thế thương hiệu trên thị trường, thể hiện tính minh bạch, thanh khoản của cổ phiếu và mang lại lợi ích tối đa cho cổ đông. Khi SeABank chính thức trở thành doanh nghiệp niêm yết và giao dịch trên sàn HoSE, với sự tham gia của hơn 1,2 tỷ cổ phiếu tiềm năng như SSB sẽ góp phần đa dạng hóa thị trường và giúp các nhà đầu tư trong và ngoài nước có thêm một mã cổ phiếu đầu tư hấp dẫn.

Kết thúc phiên giao dịch ATO, cổ phiếu SSB đã tăng trần gần 20% lên mức 20.150 đồng/cổ phiếu, tương đương giá trị vốn hóa đạt hơn 24.356 tỷ đồng tức hơn 1,05 tỷ USD. Khối lượng dư mua trần đầu phiên tới hơn 6 triệu đơn vị.

Mức giá trần vẫn giữ vững cho đến thời điểm hiện tại với riêng dư mua trần hơn 8 triệu cổ phiếu.

ĐHĐCĐ MSB: Lãnh đạo ngân hàng khẳng định không có chuyện PGBank sáp nhập vào MSB

Sáng nay (24/3), Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam đã tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

Tiếp tục tập trung mảng khách hàng SME và đẩy mạnh bán chéo bảo hiểm

Tại đại hội, HĐQT MSB đã trình kế hoạch kinh doanh với mục tiêu lãi trước thuế đạt 3.280 tỷ đồng, tăng 30% so với năm 2020. Bên cạnh đó, tổng tài sản tăng 8% lên 190.000 tỷ đồng, vốn huy động (thị trường I và trái phiếu) tăng 15%, trong khi dư nợ tín dụng (gồm dư nợ cho vay TCKT và cá nhân, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp) tăng 25%, tùy theo hạn mức được NHNN cho phép theo chính sách điều hành từng thời kỳ. Mục tiêu nợ xấu đảm bảo kiểm soát dưới 2%.

Ngân hàng cho biết sẽ tiếp tục theo định hướng chiến lược tập trung cho mảng khách hàng SME, khách hàng cá nhân và ngân hàng số, hoàn thiện mô hình kinh doanh theo định hướng định vị giá trị khách hàng khác biệt, khai thác hệ sinh thái với các kết nối giữa các tệp khách hàng, tăng cường bán chéo sản phẩm, số hóa quy trình. Hoạt động bán chéo bảo hiểm sẽ là một trong những mảng nghiệp vụ được MSB tập trung phát triển.

Cảng Đồng Nai đặt kế hoạch lợi nhuận 182 tỷ đồng, tăng trưởng liên tiếp 12 năm

HĐQT Cảng Đồng Nai (HoSE: PDN) vừa thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2021 gồm 820 tỷ đồng tổng doanh thu thuần và 182 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, cùng tăng nhẹ 3% so với kết quả năm ngoái. Nếu đạt được đây là năm tăng trưởng lợi nhuận liên tiếp từ 2009 đến nay.

Trong năm 2020, Cảng Đồng Nai đạt gần 794 tỷ đồng doanh thu thuần và hơn 159 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, lần lượt tăng 7% và 17% so với năm 2019. Công ty vượt 6% chỉ tiêu doanh thu và 11% mục tiêu lợi nhuận sau thuế.

Mới đây, công ty thông báo sẽ tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 15%/cp, tương ứng 1 cổ phiếu sẽ được nhận 1.500 đồng vào cuối tháng 3. Với 18,52 triệu cổ phiếu đang niêm yết và lưu hành, ước tính số tiền phải chi gần 28 tỷ đồng cho đợt này.

Kế hoạch kinh doanh 2021 sẽ được HĐQT trình tại ĐHĐCĐ thường niên dự kiến tổ chức vào ngày 27/4.

VNDirect giao dịch ngày cuối cùng trên HoSE vào 30/3, bán xong 6 triệu cổ phiếu quỹ

Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HoSE) thông báo về việc chuyển giao dịch cổ phiếu niêm yết của Chứng khoán VNDirect (HoSE: VND) sang HNX. Theo đó, hơn 220,4 triệu cổ phiếu VND sẽ giao dịch ngày cuối cùng trên HoSE vào 30/3.

Đây là việc tạm thời chuyển giao dịch từ sàn HoSE sang HNX để nhằm giảm tải hệ thống HoSE và được thực hiện theo hướng dẫn tại công văn 713/UBCK ngày 3/3.

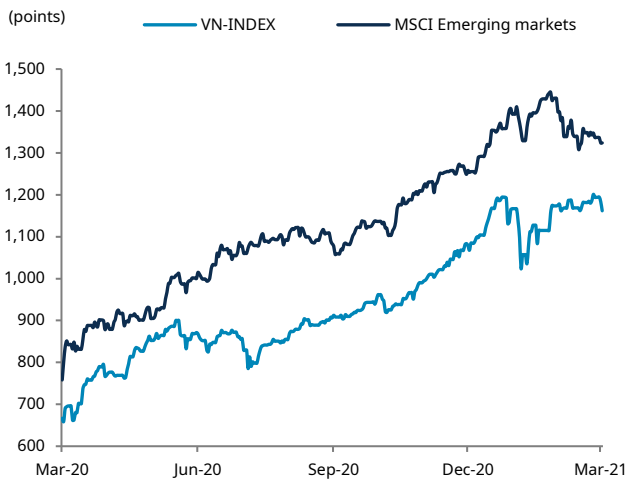
Giá tham chiếu lên sàn HNX là mức giá đóng cửa tại ngày giao dịch cuối cùng trên HoSE và được làm tròn lên 100 đồng gần nhất.

FLC muốn bán gần 500 triệu cổ phiếu để bổ sung vốn cho loạt dự án BĐS

Tập đoàn FLC vừa công bố tờ trình về phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 70%, tức là cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu FLC sẽ có quyền mua thêm 7 cổ phiếu mới.

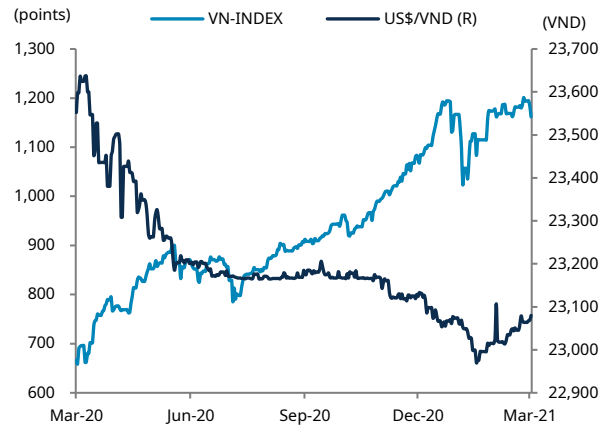
Hiện nay, số cổ phiếu FLC đang lưu hành là xấp xỉ 710 triệu đơn vị, số cổ phiếu dự kiến chào bán là gần 498 triệu đơn vị. Nếu bán hết, vốn điều lệ của Tập đoàn FLC sẽ tăng lên thành 12.070 tỷ đồng, tương ứng với trên 1,2 tỷ cổ phiếu.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



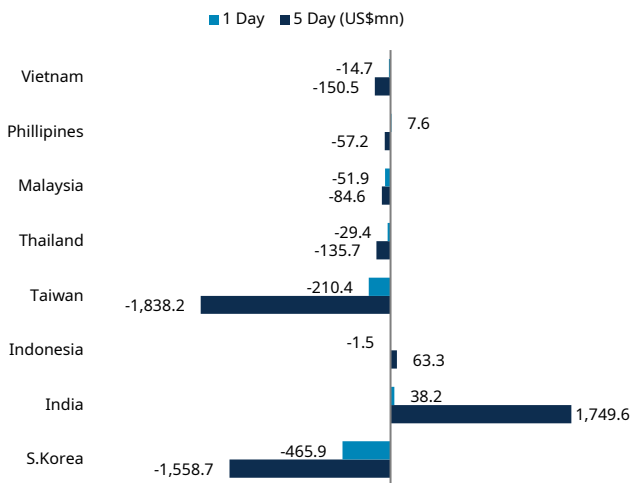
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



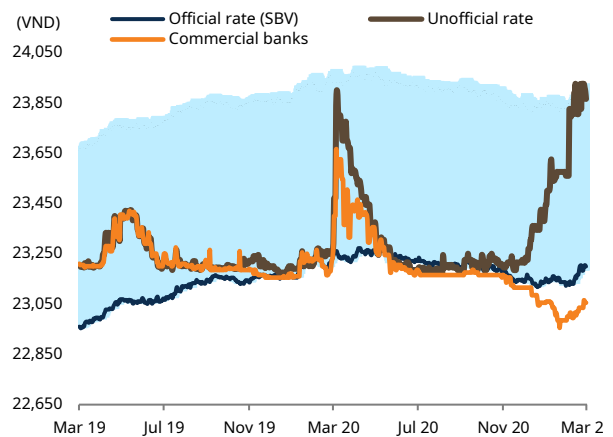
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



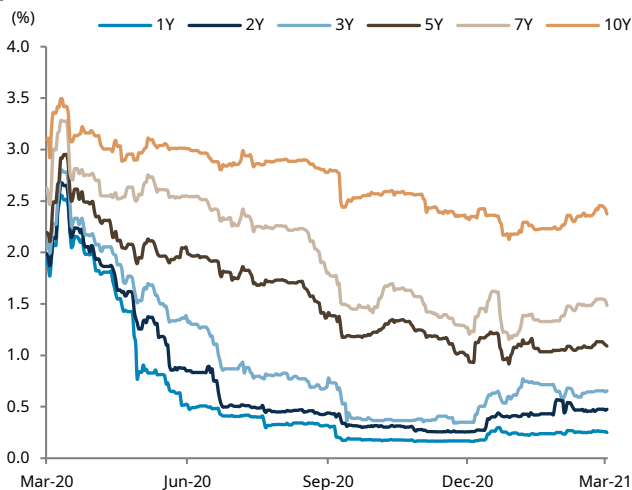
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



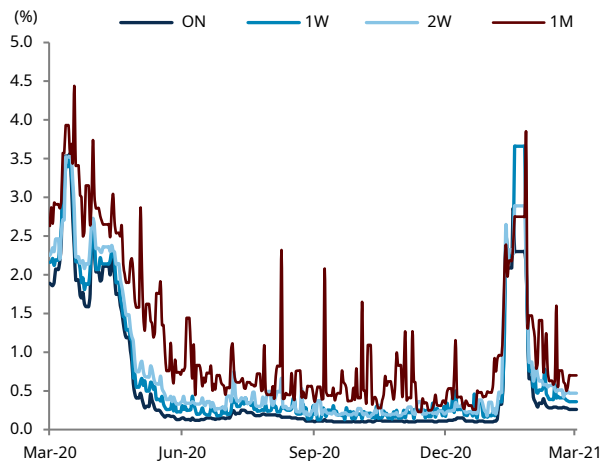
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (tỷ đồng)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	FY20	FY21	FY20	FY21	FY21	FY20	FY21	
VN30 Index	VN30 Index	1,165.61	3,069,923		-1.8	-2.3	-0.1	86.4	15.0	12.7	2.6	2.2	18.6	17.6	19.1	
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	42,150	169,528	17.1	-3.5	-2.7	-2.1	33.4	17.1	12.1	1.9	1.6	41.8	12.0	15.4	
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	59,500	44,168	27.7	-3.6	-0.2	-0.3	72.2	27.1	21.7	2.1	1.9	25.0	8.2	9.5	
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	39,000	145,213	27.6	-3.7	-1.4	4.0	113.1	8.8	8.1	1.5	1.3	7.6	17.9	17.1	
CTCP FPT	FPT VN	77,000	60,361	49.0	-2.3	-4.7	2.1	99.0	15.4	13.0	3.3	2.9	18.1	24.4	25.8	
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	90,100	172,447	2.8	-1.9	-2.9	2.3	60.3	16.9	16.5	3.2	3.1	2.4	19.1	19.3	
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	25,500	40,641	16.9	-3.8	-7.3	0.2	121.4	7.4	6.2	1.5	1.3	18.9	18.9	18.7	
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	45,450	150,589	30.3	-2.5	-1.8	4.2	218.9	9.0	8.1	2.0	1.6	11.4	25.4	23.3	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	30,900	17,267	34.8	-1.6	-1.9	-6.1	69.4	14.1	10.7	2.0	1.7	31.8	15.2	17.6	
NHTMCP Quân đội	MBB VN	27,600	77,246	23.0	-2.6	-4.8	2.2	116.4	7.6	6.4	1.4	1.1	19.2	19.8	20.1	
Tập đoàn Masan	MSN VN	85,100	99,966	32.2	-1.6	-3.3	-6.5	73.3	39.9	21.9	4.9	4.0	81.9	12.9	20.9	
CTCP Thế giới di động	MWG VN	129,900	60,550	49.0	-0.8	-2.2	-2.9	88.8	12.2	9.5	3.0	2.5	29.2	27.9	28.7	
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	79,800	79,084	6.5	-0.3	-0.9	-0.7	55.2	20.2	17.3	2.6	2.2	16.8	11.4	11.4	
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	62,700	27,324	2.3	-0.8	2.6	9.3	236.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	56,300	68,619	16.4	-1.6	-2.6	-1.7	50.1	21.2	17.2	3.0	2.9	23.3	15.9	17.2	
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	84,100	19,122	49.0	-0.1	0.6	1.6	63.6	15.3	12.1	3.2	2.6	26.9	23.0	24.4	
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	12,750	29,859	4.6	-4.1	-8.6	0.8	69.3	13.7	12.1	1.0	1.0	13.0	7.6	7.9	
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	54,000	16,689	49.0	-2.7	0.2	-5.3	91.5	9.4	7.8	1.3	1.2	19.9	14.7	15.3	
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	22,700	14,009	7.9	-2.6	-3.4	1.6	78.0	NA	NA	NA	NA	NA	7.4	NA	
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	31,300	20,216	42.4	-4.9	-4.0	-6.4	190.5	13.1	13.0	NA	NA	0.5	12.7	12.8	
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	18,400	33,187	9.2	-2.1	-6.1	0.3	109.1	12.7	7.6	1.1	1.0	66.0	9.5	13.5	
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	39,300	137,743	22.5	-2.8	-2.5	0.5	144.1	9.3	8.1	1.6	1.3	15.1	18.2	17.6	
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	21,900	8,200	5.5	-3.3	-8.2	-1.6	20.3	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	26,950	27,803	30.0	-4.8	-6.1	-1.6	50.0	7.1	5.1	1.3	1.1	38.8	23.3	24.1	
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	94,700	351,231	23.5	-1.1	-0.9	-3.5	63.3	16.8	13.5	3.0	2.5	24.7	20.4	21.3	
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	97,200	319,741	22.3	-1.5	-2.1	-5.4	75.8	10.4	8.7	2.8	2.1	19.8	31.0	28.2	
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	107,900	364,964	14.0	1.3	3.1	-0.3	50.9	47.2	35.4	3.9	3.5	33.5	8.2	11.3	
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	128,000	67,051	19.2	-2.3	-4.1	-3.0	32.6	62.0	21.9	4.1	3.3	182.7	5.2	18.8	
CTCP Sửa Việt Nam	VNM VN	98,700	206,279	56.4	-1.5	-1.8	-6.7	37.6	19.3	17.6	6.1	5.5	10.0	35.1	35.6	
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	44,100	108,254	23.4	-0.9	-1.1	11.1	126.2	9.0	7.5	1.7	1.4	19.0	19.9	19.9	
CTCP Vincom Retail	VRE VN	33,400	75,895	30.8	-2.2	-4.2	-0.9	88.7	26.2	20.9	2.4	2.2	25.6	9.3	11.0	

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research

*Note: Valuation metrics based on Bloomberg consensus estimates

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (tỷ đồng)	Biến động giá (%)				P/E(X)*		P/B(X)*		Tăng trưởng EPS (%)*	ROE(%)*	
			1D	1W	1M	1Y	FY20	FY21	FY20	FY21	FY21	FY20	FY21
VN-Index	-21.64	4,423,771	-1.8	-2.0	0.0	76.2	17.9	14.7	2.4	2.3	22.2	13.7	17.5
Ô tô và phụ tùng	-0.09	8,295	-3.7	-3.3	3.7	62.8	5.7	5.3	1.0	0.9	24.3	10.8	10.5
Ngân hàng	-7.96	1,301,110	-2.2	-3.4	2.0	74.6	12.3	10.0	1.9	1.6	19.2	18.0	18.5
Xây dựng cơ bản	-1.10	172,035	-2.3	-3.5	2.1	107.7	5.3	4.5	0.4	0.3	NA	5.6	5.6
Dịch vụ thương mại	-0.01	4,668	-0.9	-1.3	2.7	47.9	6.7	5.3	NA	NA	-29.5	11.2	13.1
May mặc và trang sức	0.07	38,504	0.7	0.7	8.4	191.5	11.8	9.5	2.3	1.9	-9.8	18.0	17.8
Dịch vụ tiêu dùng	-0.03	9,039	-0.6	-0.2	6.3	40.7	13.8	4.8	NA	NA	NA	3.7	9.7
Dịch vụ tài chính	-0.79	67,389	-4.2	-6.9	2.5	167.6	8.2	3.7	NA	NA	47.7	9.1	3.7
Năng lượng	-0.50	86,518	-2.1	-1.0	-1.7	68.8	20.7	16.3	2.5	2.4	-64.0	13.7	15.0
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-2.29	526,919	-1.6	-3.1	-4.6	57.8	20.8	15.6	4.4	3.9	-13.5	22.5	23.8
Dịch vụ và thiết bị y tế	-0.01	942	-3.9	-3.0	8.5	62.0	NA	NA	NA	NA	-39.1	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	-0.12	11,926	-3.5	-5.8	9.0	6.8	6.9	6.1	NA	NA	51.1	24.0	24.1
Bảo hiểm	-0.52	50,795	-3.7	-2.8	-0.2	67.1	24.2	19.4	1.9	1.7	28.7	7.6	8.7
Nguyên vật liệu	-2.94	374,451	-2.9	-4.0	4.5	201.3	13.5	13.3	1.7	0.9	61.9	15.9	14.5
Giải trí và truyền thông	-0.01	1,221	-1.6	-2.4	-2.9	-14.1	NA	NA	NA	NA	-61.6	NA	NA
Dược phẩm	-0.07	35,144	-0.7	-0.9	2.4	43.0	NA	NA	NA	NA	11.8	NA	NA
Bất động sản	-1.83	1,059,966	-0.6	-1.1	-1.5	73.2	9.2	8.1	1.7	1.6	-35.2	9.7	9.8
Bán lẻ	-0.13	69,049	-0.7	-2.0	-2.1	89.4	23.5	18.0	2.7	2.2	-3.4	14.6	15.2
Phần mềm và dịch vụ	-0.42	64,672	-2.4	-3.7	2.5	98.6	11.4	8.9	2.6	2.2	10.2	25.2	26.0
Thiết bị và phần cứng	0.00	5,160	0.0	-0.8	30.3	581.8	14.3	12.1	3.1	2.7	48.6	22.8	24.1
Dịch vụ viễn thông	0.00	1,166	0.0	-1.6	-3.4	302.8	13.7	11.1	3.5	2.8	14.2	27.1	26.8
Vận tải	-1.37	173,219	-2.8	-3.0	1.2	56.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	-1.40	259,124	-2.0	-1.5	1.6	54.4	26.8	10.4	4.9	4.0	-29.0	-19.7	10.9

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research

*Note: Valuation metrics based on Bloomberg consensus estimate

Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VIC VN	107,900	1.31	1,104,100	1.26
MSB VN	22,000	2.33	6,169,500	0.15
FLC VN	9,790	6.64	42,615,000	0.12
TCM VN	90,000	6.89	375,500	0.10
VCG VN	43,300	0.70	883,000	0.04
CVT VN	54,700	6.84	79,100	0.03
DXG VN	24,150	0.84	6,619,000	0.03
HAP VN	18,450	6.96	6,666,500	0.02
HPX VN	34,750	0.58	1,002,700	0.01
THI VN	29,000	4.32	1,400	0.01

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
BID VN	42,150	-3.55	3,341,900	-1.66
CTG VN	39,000	-3.70	18,260,600	-1.49
VHM VN	97,200	-1.52	2,103,300	-1.32
GVR VN	28,150	-4.09	3,693,600	-1.28
VCB VN	94,700	-1.15	1,422,500	-1.09
TCB VN	39,300	-2.84	13,792,100	-1.08
HPG VN	45,450	-2.47	23,653,500	-1.02
GAS VN	90,100	-1.85	729,000	-0.87
VNM VN	98,700	-1.50	3,192,200	-0.84
BCM VN	55,000	-4.18	9,000	-0.66

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.